

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

○ TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ*

1. Vài nét về yêu cầu của nguồn nhân lực (NNL) trong cơ chế thị trường

Phát triển NNL là quá trình tạo ra sự biến đổi, chuyển biến số lượng, cơ cấu và chất lượng NNL phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp độ khác nhau (quốc gia, vùng miền, địa phương...) đáp ứng nhu cầu nhân lực (NL) cần thiết cho các lĩnh vực hoạt động lao động và đời sống xã hội; phát triển năng lực, tạo được công ăn việc làm, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống, địa vị của các tầng lớp dân cư; đóng góp chung cho sự phát triển quốc gia.

Vấn đề đào tạo (ĐT) NL hiện nay đã và đang chịu sự tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường. Trong đó, phải kể đến thị trường lao động - nơi gặp gỡ, giao lưu giữa *cung* và *cầu* về lao động, giữa những người tìm việc, có nhu cầu về việc làm và những người hoặc tổ chức đang cần tuyển dụng lao động. Quan hệ *cung* - *cầu* được thể hiện qua mối quan hệ trực tiếp giữa cơ sở sử dụng NL với đội ngũ NL sau ĐT, giữa một bên là yêu cầu cơ bản của người sử dụng lao động về ngành nghề được ĐT, năng lực và phẩm chất của người lao động; và một bên là nhu cầu của người lao động về tiền lương hoặc tiền công, cùng điều kiện làm việc của họ, các chính sách đối với người lao động, sự hài lòng của người lao động...

Với quy luật *cung cầu* ấy, nếu ĐT không gắn với yêu cầu của sản xuất, với nhu cầu của thị trường lao động, không đủ cho nhu cầu của thị trường lao động cả về chất lượng cũng như số lượng thì kinh tế - xã hội không phát triển được; ngược lại, nếu ĐT vượt quá nhu cầu của thị trường tất yếu sẽ làm cho thị trường lao động mất cân bằng, và một số lao động kỹ thuật được ĐT sẽ bị thất nghiệp, làm cho hệ thống GD-ĐT trở nên kém hiệu quả về mặt kinh tế cũng như về mặt xã hội; hoặc nếu ĐT chỉ quan tâm ĐT về mặt số lượng, nhưng không phù hợp về cơ cấu trình độ, cơ cấu

ngành nghề, cơ cấu vùng miền... sẽ dẫn đến tình trạng vừa thừa vừa thiếu NL, đội ngũ NL đã qua ĐT thất nghiệp ngày càng đông, trong khi các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vẫn không tuyển dụng đủ lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh của mình.

Ngoài ra, *quy luật cạnh tranh* cũng có những tác động mạnh mẽ đến hoạt động ĐT trong cơ chế thị trường. Khác với thời kỳ bao cấp trước đây, trong cơ chế thị trường, những người lao động được ĐT với chất lượng thấp sẽ ít có cơ hội tìm được việc làm; và do vậy, những cơ sở ĐT kém chất lượng cũng có nguy cơ bị đóng cửa. Bởi thế, chất lượng và hiệu quả ĐT có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cơ chế thị trường - hay nói cách khác, cơ chế thị trường buộc các cơ sở ĐTNL phải ĐT với chất lượng tốt, hiệu quả cao để có thể tồn tại và phát triển. Trong nền kinh tế thị trường, bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, sự cạnh tranh không chỉ diễn ra trong phạm vi giữa các cơ sở ĐT trong nước mà còn mở rộng cạnh tranh giữa các cơ sở ĐT trong nước với các cơ sở ĐT nước ngoài tại Việt Nam để tăng khả năng thu hút người học; diễn ra giữa những người học trong các cuộc thi tuyển để có được chỗ học có chất lượng cao, cạnh tranh giữa các cơ sở sử dụng NL để có được những sản phẩm của dịch vụ giáo dục có chất lượng, thỏa mãn được nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh.

Vậy là, việc nâng cao chất lượng ĐTNL để cạnh tranh, mở rộng thị phần trong nước và mở rộng thị trường sức lao động ra nước ngoài là một định hướng quan trọng. Thị trường lao động là một thị trường đặc biệt, hàng hóa sức lao động của con người được đưa ra trao đổi và mua bán trên thị trường. Nói cách khác, trong cơ chế thị trường, những người lao động được ĐT với chất lượng thấp sẽ có ít cơ hội để tìm kiếm việc làm.

* Trưởng Đại học Đồng Tháp

2. Thực trạng về NNL và hoạt động ĐTNNL ở vùng ĐBSCL hiện nay

Một thực tế đã và đang diễn ra là hoạt động ĐTNNL của cả nước nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng chưa tuân thủ quy luật cung - cầu, ĐT chưa gắn được với nhu cầu của thị trường lao động, nên đã gây ra tình trạng vừa thừa lại vừa thiếu lao động kỹ thuật ngày càng nghiêm trọng. Số lượng, chất lượng và cơ cấu NNL ở vùng ĐBSCL tuy có sự chuyển biến tích cực, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu về chuyển dịch lao động và đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Năng lực quản lý kinh tế - xã hội, quản lý hành chính nhà nước của cán bộ công chức, viên chức chưa đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ, còn thiếu những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực hành chính công, công vụ, công chức; khả năng sử dụng ngoại ngữ của cán bộ công chức, viên chức còn nhiều hạn chế, nên gặp khó khăn trong giao tiếp với đối tác nước ngoài, và đặc biệt gặp khó khăn trong tiếp cận, sử dụng nguồn thông tin từ việc truy cập internet.

Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và học vị cao không đồng đều giữa các ngành, chỉ tập trung ở khối giáo dục và phần lớn thuộc các ngành tỉnh. Nhiều tỉnh, thành trong khu vực chưa có chính sách, cơ chế phù hợp trong việc ĐT, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng đối với những sinh viên (SV) đã tốt nghiệp thuộc các chuyên ngành đặc thù như: công nghệ sinh học, cơ khí nông nghiệp, khai thác thủy sản, tài chính doanh nghiệp, quản trị kinh doanh marketing...

Điều đáng lo ngại nhất là hoạt động ĐT cả nước cũng như vùng ĐBSCL đang tồn tại một hiệu ứng ngược giữa nhu cầu thực tế và sản phẩm ĐT; về điều kiện đảm bảo cho hoạt động ĐTNNL của các trường ĐH, CĐ trong khu vực còn nhiều bất cập. Đó là, yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng ĐT với cơ sở vật chất, trang thiết bị, thông tin, nguồn lực tài chính... đang liên quan, tác động lẫn nhau bởi một phương trình không mấy cân xứng, «*chương trình ĐT, nội dung giảng dạy chưa được đổi mới và cập nhật thường xuyên. Phương pháp giảng dạy và học tập chưa phù hợp với điều kiện giảng dạy đại học. Giáo trình, tài liệu học tập, cơ sở thí nghiệm thực hành, trang thiết bị phục vụ ĐT, nghiên cứu khoa học còn rất lạc hậu và bất cập so với yêu cầu sử dụng*» (1). Trong lúc đó, yêu cầu đặt ra là NNL được ĐT ở

thời kỳ hội nhập, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động cần sự đổi mới, sự nhanh nhạy trong việc giải quyết những nhu cầu của hoạt động thực tiễn, để hoạt động ĐT trong các trường ĐH, CĐ phải tạo ra được đội ngũ những người có tính chuyên nghiệp, tinh thông nghề nghiệp (hiểu theo nghĩa đầy đủ nhất).

3. Giải pháp nâng cao chất lượng ĐT NNL ở vùng ĐBSCL

a) *Xác định trách nhiệm của ngành GD-ĐT đối với ĐTNNL.* Các cơ sở ĐT cần nhận thức sâu sắc rằng, phát triển NNL phải gắn liền với thực tiễn kinh tế - xã hội, với thị trường lao động và gắn với nhu cầu sử dụng; đồng thời, phải mang tính đại chúng. Trong đó, việc nâng cao chất lượng ĐT phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và đại học là hết sức quan trọng. Cần chú trọng công tác tư vấn, tuyên truyền hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và ngoài xã hội nhằm điều chỉnh nhu cầu ĐT của học sinh và các tầng lớp dân cư phù hợp với sở thích, khả năng và nhu cầu NL thực tế của xã hội; tránh chạy theo các nhu cầu ảo không có thực. Các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) và dạy nghề trong vùng phải góp phần tạo ra những người có năng lực hòa nhập, thích nghi và phát triển được trong thị trường lao động; có khả năng làm việc tập thể đồng bộ, tự cập nhật thường xuyên kiến thức, chiếm lĩnh được những trình độ thành thạo chuyên môn mới; phát triển năng lực trí tuệ, biết đặt và giải quyết vấn đề, có cách hoạt động như một cán bộ kỹ thuật, một nhà quản lý, một doanh nghiệp thực sự.

b) *Tập trung phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy và học theo hướng hiện đại.* Chính quyền các cấp cần hỗ trợ các trường về đất đai, trước mắt là khâu giải phóng mặt bằng cho trường ĐH, CĐ và dạy nghề trong vùng; tập trung đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, xưởng trường, phòng học và các hoạt động dịch vụ cho SV; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động vốn đầu tư trong nước và ngoài nước để xây dựng các cơ sở dạy nghề chất lượng cao; đầu tư phát triển hệ thống thông tin về thị trường lao động nói chung và hệ thống thông tin về thị trường lao động cho ĐT NL nói riêng (bao gồm cả hệ thống điều tra thống kê hàng năm tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV các trường ĐH, CĐ và dạy nghề).

c) Xây dựng được đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng kịp thời và hiệu quả yêu cầu nhiệm vụ đổi mới giáo dục đại học Việt Nam. Các tỉnh, thành tiếp tục hỗ trợ công tác ĐT, bồi dưỡng giảng viên ĐH, CĐ; tích cực tham gia chương trình ĐT 20.000 tiến sĩ của Bộ GD-ĐT, đề án «1000 Mêkông» để bổ sung và nâng cao chất lượng giảng viên ĐH, CĐ, nhằm sớm đạt được định mức quy định về tỉ lệ SV trên giảng viên theo nhóm ngành nghề ĐT. Các trường ĐH, CĐ cần thu hút, sử dụng các nhà khoa học thuộc các viện nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước tham gia giảng dạy ở trường mình. Mặt khác, cần hoạch định và thực thi các chính sách phát triển NNL, trong đó xác định rõ vai trò, lợi ích, trách nhiệm của nhà nước, của các doanh nghiệp, người sử dụng lao động và bản thân người lao động trong công tác tuyển dụng, ĐT, bồi dưỡng và sử dụng lao động.

d) Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các trường ĐH, CĐ và dạy nghề của khu vực nhằm tạo ra một mạng lưới đội ngũ tham gia hoạt động ĐT; các cơ sở ĐT cần gắn kết với các đơn vị sản xuất, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn để nâng dần tính tương thích giữa ĐT và sử dụng lao động. Trên cơ sở này, các tỉnh, thành trong khu vực sẽ đưa ra dự báo về nhu cầu NL cho từng giai đoạn và cả cho từng năm - trong đó, cần nghiên cứu đánh giá rõ thực trạng cơ cấu NL (về trình độ và cơ cấu ngành nghề); làm rõ những loại NL nào thừa hoặc thiếu và chỉ ra nguyên nhân.

e) Có chính sách, chế độ đãi ngộ thích đáng đối với những người có trình độ cao, nhất là đội ngũ tri thức trẻ và những tài năng trẻ nói chung. □

(1) Bộ GD-ĐT. Báo cáo của lãnh đạo Bộ GD-ĐT tại Hội nghị toàn quốc chất lượng giáo dục đại học. TP. Hồ Chí Minh, tháng 01/2008.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo. “Quan điểm phát triển giáo dục trong điều kiện nền kinh tế thị trường và việc vận dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam” (Kỷ yếu Hội thảo của Viện chiến lược và chương trình giáo dục). Hà Nội, tháng 11/2004.
2. Nguyễn Văn Đệ. “Phát triển giáo dục đại học ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - Nhìn từ cơ cấu ngành đào tạo và đội ngũ giảng viên”. Tạp chí Giáo dục, số 173/2007).

Triết lý giáo dục...

(Tiếp theo trang 3)

TLGD là các tư tưởng chỉ đạo việc xây dựng và phát triển sự nghiệp GD-ĐT (cả tầm vĩ mô và vi mô): tầm quốc gia là hoạch định đường lối (các luật GD...) chiến lược, chính sách (lương, đãi ngộ, tôn vinh...), chủ trương lớn..., quản lý ngành: điều lệ trường học, các chuẩn, nội dung giảng dạy, chương trình các bộ môn, các điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động dạy - học. Chẳng hạn, từ 5 đến 10 năm nữa cả nước sẽ: - Đủ trường, lớp học, thiết bị dạy học; - Đủ về số lượng, cơ cấu, chất lượng (tay nghề và lương tâm nghề) nhà giáo và cán bộ quản lý GD; - Có đủ sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập đúng chuẩn.

Tóm lại, TLGD Việt Nam thời nay nên là: - Đường lối: GD là quốc sách hàng đầu; - Sứ mệnh: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; - Phương châm phát triển: Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá; - Xây dựng nền GD: Nhân văn, nhân bản với hạt nhân là giá trị bản thân. □

(*) Trích đăng báo cáo khoa học “Đôi điều suy nghĩ về triết lý và đổi mới tư duy giáo dục trong thời kỳ đổi mới” tại Hội thảo quốc gia về Khoa học giáo dục Việt Nam do Bộ GD-ĐT tổ chức ngày 24/2/2011 tại Đồ Sơn, Hải Phòng.

- (1) Jacques Delors (chủ biên). Học tập - một kho báu tiềm ẩn (Trịnh Đức Thắng dịch). NXB Giáo dục, H. 2003.
- (2) Phạm Minh Hạc. Giá trị học - cơ sở khoa học của việc xây dựng hệ giá trị chung của người Việt Nam thời nay. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
- (3) Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 4. NXB Chính trị quốc gia, H. 1995.
- (4) Phạm Văn Đồng. Bài nói với giảng viên và cán bộ giáo dục nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/1984.
- (5) Phạm Minh Hạc. Mười năm đổi mới giáo dục. NXB Giáo dục, H. 1996.
- (6) Thái Duy Tuyên. Triết học giáo dục Việt Nam. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.

THÔNG BÁO

Năm 2011, TẠP CHÍ GIÁO DỤC tiếp tục ra 1 tháng 2 kì. Giá bán: 13.200đ/cuốn.

Kính đề nghị các đơn vị giáo dục (sở, phòng, trường) liên hệ đặt mua TẠP CHÍ GIÁO DỤC (mã số tạp chí C192) tại các bưu cục địa phương hoặc đặt mua trực tiếp tại toà soạn, theo địa chỉ: TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, Hà Nội. ĐT: 04. 37345363; Fax: 04.37345363.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC